

Số: 2448/BC-CDKTCN

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO
Hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2023

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	VIẾT TẮT	Ý NGHĨA
1	BGH	Ban giám hiệu
2	BĐCL-KT	Bảo đảm chất lượng – Khảo thí
3	CBVC	Cán bộ viên chức
4	CDKTCN	Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ
5	CNTT	Công nghệ thông tin
6	CKĐCL-KĐ	Cục kiểm định chất lượng – Kiểm định
7	BĐCL	Bảo đảm chất lượng
8	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
9	HSSV	Học sinh, sinh viên
10	LĐTĐ&XH	Lao động Thương binh và Xã hội

I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Tên trường: Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang

Tên Tiếng Anh: Nha Trang College of Technology

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Địa chỉ Trường: Cơ sở chính mới (Cơ sở 1):

Đường N1, Khu trường học đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông, xã Phước Đồng, TP.
Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Trung tâm GDNN Nha Trang;

Số 298 Thống Nhất, thành phố Nha Trang;

Số 184 Dã Tượng, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Cơ sở 2: Trung tâm Đào tạo lái xe ô tô-cơ giới, thôn Phước Trung, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang;

Cơ sở 3: Khoa Công nghệ sinh học và Công nghệ môi trường, thôn Tân Xương, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

Cơ sở chính cũ : 32 Trần Phú, Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (hiện tại không sử dụng đang chờ bàn giao)

Số điện thoại: 0258.3881139

Số fax: 0258.3882333

Email: cdktcn@khanhhoa.gov.vn

Website: <http://www.cdktcnnt.edu.vn>

Năm thành lập trường:

Năm thành lập đầu tiên: 1962

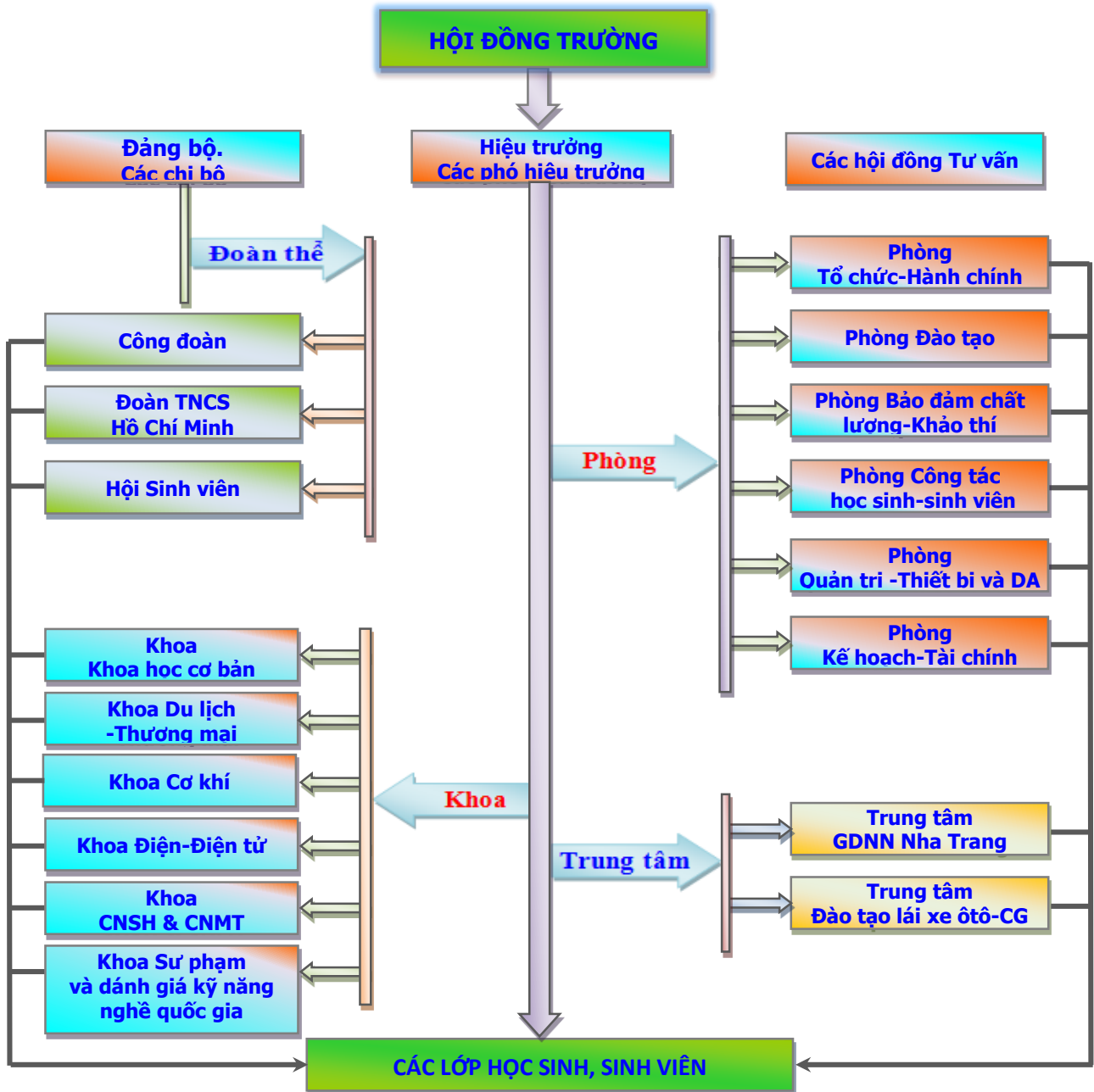
Năm nâng cấp thành trường cao đẳng : 31/01/2007

Năm đổi tên trường: 15/9/2017

Loại hình trường: Công lập ; Tư thục

1.1 Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1.1.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức và nhân sự:



1.1.2 Cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động của Trường

Tổng số cán bộ quản lý, nhà giáo, người lao động trong trường tính đến 10/2023 là 211, trong đó:

Biên chế : 133

Hợp đồng lao động : 23

Hợp đồng thỉnh giảng : 55

Riêng đội ngũ nhà giáo là 162, trong đó:

Nam: 64 Nữ: 78

Cơ hữu: 107 Thỉnh giảng: 55

Trình độ đào tạo	Số lượng
Tiến sĩ	2
Thạc sĩ	75
Đại học	30
Tổng số	107

1.2. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đã được cấp

STT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Cắt gọt kim loại	6520121	30	Cao đẳng
		5520121	30	Trung cấp
2	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	6480202	60	Cao đẳng
		5480202	100	Trung cấp
3	Công nghệ ô tô	6510216	130	Cao đẳng
		5510216	130	Trung cấp
4	Điện công nghiệp	6520227	105	Cao đẳng
		5520227	70	Trung cấp
5	Kỹ thuật Máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	70	Cao đẳng
		5520205	70	Trung cấp
6	Kỹ thuật Chế biến món ăn	6810207	70	Cao đẳng
		5810207	180	Trung cấp
7	Quản trị khách sạn	6810201	70	Cao đẳng
		5810201	75	Trung cấp
8	Hàn	5520123	30	Trung cấp

STT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
9	May thời trang	6540205	25	Cao đẳng
		5540205	25	Trung cấp
10	Kỹ thuật xây dựng	6580201	25	Cao đẳng
		5580201	25	Trung cấp
11	Cơ điện tử	6520263	25	Cao đẳng
		5520263	25	Trung cấp
12	Điện tử công nghiệp	6520225	30	Cao đẳng
		5520225	30	Trung cấp
13	Điện dân dụng	6520226	30	Cao đẳng
		5520226	30	Trung cấp
14	Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính	6480102	30	Cao đẳng
		5480102	30	Trung cấp
15	Hướng dẫn du lịch	6810103	30	Cao đẳng
		5810103	30	Trung cấp
16	Quản trị nhà hàng	6810206	30	Cao đẳng
17	Nghiệp vụ nhà hàng	5810206	30	Trung cấp
18	Kế toán doanh nghiệp	6340302	25	Cao đẳng
		5340302	25	Trung cấp
19	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	6510303	30	Cao đẳng
		5510303	30	Trung cấp
20	Chế biến thực phẩm	6540104	30	Cao đẳng

STT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
		5540104	30	Trung cấp
21	Công nghệ sinh học	6420202	25	Cao đẳng
		5420202	25	Trung cấp
22	Hàn công nghệ cao		50	Sơ cấp
23	Tiện công nghệ cao		50	Sơ cấp
24	Hàn điện		50	Sơ cấp
25	Kỹ thuật xây dựng		50	Sơ cấp
26	Sửa chữa điện công nghiệp		50	Sơ cấp
27	Thiết kế và lắp ráp mạch đèn quảng cáo		50	Sơ cấp
28	Lắp đặt điện nội thất		50	Sơ cấp
29	Lắp đặt điện, nước		50	Sơ cấp
30	Kỹ thuật điện lạnh		50	Sơ cấp
31	Kỹ thuật chế biến món Á		50	Sơ cấp
32	Kỹ thuật làm bánh		50	Sơ cấp
33	Nghiệp vụ pha chế thức uống		50	Sơ cấp
34	Sửa chữa, bảo trì tủ lạnh và điều hòa		50	Sơ cấp
35	Nghiệp vụ lễ tân khách sạn		50	Sơ cấp
36	Nghiệp vụ Buồng		50	Sơ cấp
37	Quản lý bán hàng và tiếp thị trong khách sạn		50	Sơ cấp
38	Quản lý công tác an toàn - an ninh trong khách sạn		50	Sơ cấp

STT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
39	Quản lý Bếp		50	Sơ cấp
40	Công tác xã hội		50	Sơ cấp
41	Kế toán doanh nghiệp		50	Sơ cấp
42	Quản trị mạng máy tính		50	Sơ cấp
43	Nghiệp vụ nhà hàng		50	Sơ cấp
44	Hướng dẫn du lịch		50	Sơ cấp
45	Chế biến thực phẩm		50	Sơ cấp
46	Điện dân dụng		50	Sơ cấp
47	CNC (Tiện, phay)		50	Sơ cấp
48	Bảo dưỡng, sửa chữa động cơ xăng		50	Sơ cấp
49	Bảo dưỡng, sửa chữa động cơ Diesel		50	Sơ cấp
50	Bảo dưỡng, sửa chữa trang bị điện ô tô		50	Sơ cấp
51	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phun xăng điện tử		50	Sơ cấp
52	Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính		50	Sơ cấp
53	Thiết kế, đồ họa trên máy tính		50	Sơ cấp
54	Cắt, tĩa củ quả		50	Sơ cấp
55	Cắm hoa nghệ thuật		50	Sơ cấp
56	Kế toán thực hành khai báo thuế		50	Sơ cấp
57	May		50	Sơ cấp
58	Lái xe ô tô hạng B2		780	Sơ cấp

STT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
59	Lái xe ô tô hạng C		160	Sơ cấp

1.3. Đơn vị phụ trách về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng

1.3.1. Đơn vị phụ trách: Phòng Bảo đảm chất lượng - Khảo thí

Phòng Bảo đảm chất lượng - Khảo thí (BĐCL-KT) được thành lập theo Quyết định số 1016/QĐ-CĐKTCN ngày 17/7/2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang trên cơ sở là phòng Đảm bảo chất lượng-Khảo thí được thành lập vào ngày 30/12/2011 theo Quyết định số 942/QĐ-CĐN của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang.

Chức năng, nhiệm vụ của Phòng được thực hiện theo Quyết định số 110/QĐ-CĐKTCN ngày 20/01/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của phòng Bảo đảm chất lượng - Khảo thí, theo đó phòng thực hiện các chức năng như sau:

Công tác Bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Công tác Khảo thí;

Công tác Nghiên cứu khoa học;

Công tác Quan hệ hợp tác doanh nghiệp;

Công tác Thư viện.

1.3.2. Danh sách cán bộ viên chức của phòng Bảo đảm chất lượng - Khảo thí

TT	Họ tên, Điện thoại và Email	Chức danh - Nhiệm vụ
1	TS. Hồ Thị Châu 0914184471 chaukt782009@gmail.com	Trưởng phòng; Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ: Bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp, khảo thí, nghiên cứu khoa học, quan hệ hợp tác doanh nghiệp, thư viện; Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ: Bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp, quan hệ hợp tác doanh nghiệp, thư viện; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công.

TT	Họ tên, Điện thoại và Email	Chức danh - Nhiệm vụ
2	Th.S. Lưu Đức Tuyển 0905913789 ductuyen66@gmail.com	Phó Trưởng phòng; Phụ trách và thực hiện các nhiệm vụ: Khảo thí, nghiên cứu khoa học; công tác kiểm tra, giám sát việc dạy và học; Quản lý lưu trữ văn bản khảo thí, nghiên cứu khoa học; Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ khác của phòng; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng phòng và Hiệu trưởng phân công.
3	Cử nhân. Nguyễn Thị Anh Thư 0948893877 anhthu78ck@gmail.com	Cán bộ - chuyên viên; Thực hiện nhiệm vụ bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; Quản lý lưu trữ hệ thống văn bản bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp, công tác văn thư của phòng; Theo dõi quản lý tài sản của phòng, thực hiện chấm công hàng tháng; Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ khác của phòng; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng phòng phân công.
4	Cử nhân. Trần Thị Bích Trâm 0349627680 trthbtram@gmail.com	Cán bộ - chuyên viên; Thực hiện các nhiệm vụ: Quan hệ hợp tác doanh nghiệp, công tác thi đua khen thưởng, cải cách hành chính của phòng; Quản lý lưu trữ hệ thống văn bản hợp tác doanh nghiệp, thi đua khen thưởng, cải cách hành chính; Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ khác của phòng; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng phòng phân công.

TT	Họ tên, Điện thoại và Email	Chức danh - Nhiệm vụ
5	Kỹ sư. Trịnh Thị Hải Yến 0349627680 Yenhai306@gmail.com	Cán bộ - chuyên viên; Thực hiện các nhiệm vụ: Thư viện; khảo thí; kiểm tra giám sát, báo cáo công tác dạy và học; lần vết việc làm của HSSV ra trường; Lưu trữ và bảo mật ngân hàng đề thi; Quản lý lưu trữ hệ thống văn bản thư viện, khảo thí; Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ khác của phòng; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng phòng phân công.

II. BÁO CÁO XÂY DỰNG, VẬN HÀNH, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

2.1. Tổng quan về hệ thống bảo đảm chất lượng đang vận hành

a) Đặt vấn đề

Hệ thống bảo đảm chất lượng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp là hệ thống các chính sách, quy trình, công cụ đối với tất cả lĩnh vực, nội dung quản lý của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm duy trì, cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và đạt được mục tiêu đề ra.

Xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng trong nhà trường là quản lý toàn bộ quá trình đào tạo để BDCL các cấp từ đầu vào, quá trình đào tạo và đầu ra với các yêu cầu: Thực hiện trước, trong và sau quá trình đào tạo; phát hiện, hạn chế khắc phục những yếu tố ảnh hưởng chất lượng đào tạo; xác định theo các chuẩn mực bảo đảm chất lượng đầu ra; trách nhiệm của mọi người tham gia quá trình đào tạo.

Việc xây dựng hệ thống BDCL trong nhà trường góp phần đổi mới công tác quản lý, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của nhà trường; nâng cao chất lượng đào tạo, khẳng định uy tín và thương hiệu của nhà trường; góp phần đổi mới giáo dục nghề nghiệp.

Hàng năm nhà trường đều thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, chất lượng cơ sở GDNN, nhằm rà soát, đánh giá thực trạng, xác định điểm mạnh, điểm tồn tại từ đó xây dựng kế hoạch khắc phục, cải tiến chất lượng phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, chất lượng cơ sở GDNN và hệ thống bảo đảm chất lượng đạt mục tiêu đề ra.

Nhà trường luôn xác định rằng: “Chất lượng là hành trình không có điểm kết thúc”, để đạt được yêu cầu chất lượng trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp, Hiệu trưởng và

tập thể cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động cam kết xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng theo quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

b) Thông tin về xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

b1) Các căn cứ xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTB&XH Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Công văn số 452/TCGDNN-KĐCL, Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp; trường trung cấp, cao đẳng;

Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang lập Kế hoạch xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng và tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b2) Mục đích xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

Nâng cao nhận thức của cán bộ viên chức(CBVC), người lao động và học sinh, sinh viên (HSSV) về tầm quan trọng của công tác BĐCL của nhà trường;

Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, giữ vững thương hiệu và uy tín của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang;

Tiếp cận trình độ GDNN các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới.

b3) Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

Tuân thủ các quy định hiện hành, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đào tạo và thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong từng giai đoạn;

Nhấn mạnh vai trò của người quản lý, gắn kết với quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và lấy người học làm trung tâm;

Huy động sự tham gia của tập thể CBVC, người lao động và HSSV;

Tiếp cận theo quá trình, đảm bảo tính hệ thống, gắn kết với tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý;

Phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ sở GDNN, dễ vận hành; liên tục cải tiến, đơn giản hóa các thủ tục BĐCL và đảm bảo khoa học, hiệu quả, tiết kiệm.

b4) Cách thức xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

(1) Công tác chuẩn bị

Hoàn thiện tổ chức và nhân sự bảo đảm chất lượng: Hiệu trưởng quyết định thành lập đơn vị; giao nhiệm vụ đơn vị phụ trách bảo đảm chất lượng.

Đơn vị phụ trách BĐCL được giao nhiệm vụ: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị nhà trường lập kế hoạch và tổ chức thực hiện xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống BĐCL. Lập kế hoạch trình Hiệu trưởng phê duyệt; đôn đốc, kiểm tra, giám sát và đề xuất các biện pháp thực hiện xây dựng, vận hành và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng đúng tiến độ, hiệu quả và BĐCL; báo cáo kết quả xây dựng, vận hành và cải tiến hệ thống BĐCL theo yêu cầu của người đứng đầu cơ sở GDNN.

Đánh giá thực trạng bộ máy, nhân sự và các điều kiện BĐCL của nhà trường.

Lập kế hoạch xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng.

Tổ chức hướng dẫn về xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống BĐCL cho CBQL, nhà giáo.

(2) Xây dựng hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng

Xây dựng chính sách chất lượng:

Phòng BĐCL-KT chủ trì tổ chức xây dựng chính sách chất lượng của Trường trình Hiệu trưởng phê duyệt;

Chính sách chất lượng phù hợp với chính sách phát triển chung của Trường trong từng giai đoạn cụ thể và các quy định liên quan khác; cụ thể hóa chủ trương và định hướng chung của Trường trong việc thực hiện BĐCL đào tạo; trình bày rõ ràng, dễ hiểu được đăng trên trang Web của Trường;

Chính sách chất lượng được lấy ý kiến của đội ngũ CBVC, người lao động, đại diện các tổ chức đoàn thể, HSSV, các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động có tiếp nhận HSSV đến thực tập, thực hành, làm việc;

Được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật phù hợp với thực tế phát triển của Trường và sự thay đổi các định hướng chiến lược hay các quy định khác có liên quan.

Xây dựng mục tiêu chất lượng:

Phòng BĐCL-KT chủ trì tổ chức xây dựng mục tiêu chất lượng của Trường trình Hiệu trưởng phê duyệt;

Mục tiêu chất lượng phù hợp với chính sách chất lượng của Trường, được xác định theo thứ tự ưu tiên nhằm cụ thể hóa chính sách chất lượng theo từng giai đoạn cụ thể;

Mục tiêu chất lượng được ý kiến của đội ngũ CBVC, người lao động, đại diện các tổ chức đoàn thể, HSSV, các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động có tiếp nhận HSSV đến thực tập, thực hành, làm việc;

Được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật phù hợp với thực tế phát triển của cơ sở GDNN và sự thay đổi của các định hướng chiến lược hay các quy định khác có liên quan.

Xây dựng sổ tay BĐCL:

Phòng BĐCL-KT xây dựng sổ tay BĐCL trình Hiệu trưởng phê duyệt;

Sổ tay BĐCL phản ánh trung thực, chính xác các quy định về hệ thống BĐCL của nhà trường;

Được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật phù hợp với thực tế phát triển của cơ sở GDNN và sự thay đổi định hướng chiến lược hay quy định khác có liên quan.

Xây dựng quy trình, công cụ BĐCL:

Phòng BĐCL-KT chủ trì, phối hợp với các đơn vị xây dựng quy trình, công cụ BĐCL theo cách thức sau:

Xác định lĩnh vực quản lý chất lượng trên cơ sở các tiêu chí kiểm định chất lượng GDNN hiện hành. Tùy theo điều kiện, đặc thù của nhà trường có thể xác định các lĩnh vực quản lý chất lượng khác nếu cần thiết;

Căn cứ các lĩnh vực quản lý chất lượng đã được xác định, nghiên cứu, xây dựng các nội dung cụ thể của từng lĩnh vực quản lý chất lượng.

Xây dựng quy trình, công cụ BĐCL cho từng nội dung cụ thể của các lĩnh vực quản lý chất lượng trình Hiệu trưởng phê duyệt. Các hoạt động phải xây dựng quy trình, công cụ BĐCL, bao gồm: Xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo; tuyển sinh; kiểm tra, thi, xét, công nhận tốt nghiệp; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học: tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý; quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; quản lý xưởng; khảo sát HSSV sau tốt nghiệp; khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động.

(3) Phê duyệt và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

Hiệu trưởng phê duyệt các nội dung thuộc hệ thống bảo đảm chất lượng trước khi vận hành hệ thống trong nhà trường.

Hệ thống BĐCL được công bố công khai để toàn thể CBVC, người lao động và các đối tượng khác có liên quan được biết và triển khai thực hiện.

c) Chính sách chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Căn cứ theo tình hình thực tế năm 2023 Nhà trường đã tiến hành điều chỉnh chính sách chất lượng và ban hành theo Quyết định số 1791/QĐ-CDKTCN ngày 11/10/2023 của Hiệu trưởng về việc Ban hành chính sách chất lượng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang giai đoạn 2020-2025.



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG
 KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG**

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG GIAI ĐOẠN 2020-2025

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang phấn đấu trở thành trường cao đẳng chất lượng cao theo Quyết định 761/QĐ-TTg ngày 23/5/2014 và Quyết định 1363/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ, việc bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp là trách nhiệm cao nhất mà toàn thể cán bộ viên chức và người lao động phải thực hiện.

Hiệu trưởng và toàn thể cán bộ viên chức và người lao động cam kết xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng theo quy định với những nội dung như sau:

1. Tất cả các hoạt động trong trường đều lấy người học làm trung tâm.
2. Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo, không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học theo chuẩn đầu ra; xây dựng chương trình đào tạo chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội.
3. Đội ngũ cán bộ viên chức và người lao động đủ tổ chất và năng lực thực hiện tốt công tác chuyên môn; không ngừng học tập nâng cao trình độ theo chuẩn quy định.
4. Mở rộng mối quan hệ hợp tác với doanh nghiệp trong và ngoài nước để hợp tác đào tạo và tạo việc làm cho học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp.
5. Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo quy định, tiếp tục bổ sung thiết bị đào tạo tiên tiến đủ số lượng và chất lượng. Tổ chức quản lý, sử dụng: cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, thư viện đúng mục đích, đạt hiệu quả.
6. Thiết lập, vận hành và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng theo chuẩn mực quốc gia, khu vực và quốc tế.
7. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản trị nhà trường hướng đến phát triển toàn diện, đáp ứng nhu cầu thực tiễn xã hội.





Khánh hòa, ngày 11 tháng 10 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

ThS. Nguyễn Văn Lực

d) Mục tiêu chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Năm học 2023-2024, Nhà trường đã xây dựng mục tiêu chất lượng và ban hành theo Quyết định số 1892/QĐ/QĐ-CDKTCN ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang.

	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG		Mã hoá: MTCL/2023-2024
			Lần ban hành: 01
			Hiệu lực: 10/2023
			Trang/tổng số trang: 1/1
MỤC TIÊU CHẤT LƯỢNG NĂM HỌC 2023-2024 <i>(Kèm theo Quyết định số 1892/QĐ-CDKTCN ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng)</i>			
<p>Năm học 2023-2024, toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động phát huy tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, quyết tâm thực hiện hoàn thành và đạt mục tiêu chất lượng năm học:</p>			
<p>1. 100% nhà giáo lên lớp có giáo trình, giáo án đúng quy định; 100% các bộ môn có bài giảng điện tử; 100% nhà giáo tham gia dự giờ, hội giảng các cấp.</p>			
<p>2. 95% trở lên đội ngũ nhà giáo cơ hữu, nhà giáo thỉnh giảng tham gia giảng dạy các môn văn hóa trung học phổ thông, các môn học chung, các môn chuyên môn ngành/nghề đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% trở lên nhà giáo đạt chuẩn quy định trường cao đẳng chất lượng cao; - 30% trở lên nhà giáo giảng dạy ngành, nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, khu vực ASEAN có trình độ ngoại ngữ từ bậc 4 trở lên theo quy định. 			
<p>3. Đạt 100% chương trình đào tạo được tổ chức biên soạn, thẩm định, lựa chọn ban hành theo quy định có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến và có tính liên thông trong hệ thống Giáo dục nghề nghiệp. Phần đầu xây dựng chương trình đào tạo chất lượng cao.</p>			
<p>4. Có ít nhất 30% các môn học, mô đun có thể giảng dạy trực tuyến trên hệ thống LMS.</p>			
<p>5. Đạt 95% trở lên HSSV cuối khóa đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - SV đạt tốt nghiệp từ 95% trở lên, HS đạt tốt nghiệp từ 90% trở lên; - HSSV đạt tốt nghiệp từ loại khá trở lên đạt trên 60%. 			
<p>6. Đạt 98% HSSV có điểm rèn luyện từ trung bình trở lên, trong đó: 80% HSSV có điểm rèn luyện từ khá trở lên. Xây dựng nề nếp tác phong công nghiệp, môi trường sư phạm, phần đầu xây dựng 14 tập thể lớp tiên tiến trở lên.</p>			
<p>7. Đầu tư cơ sở vật chất, nhà xưởng thực hành, thiết bị đào tạo tiên tiến đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo.</p>			
<p>8. Các hoạt động của trường được số hoá, kết nối, chia sẻ và tương tác; thực hiện quản trị, điều hành trường dựa trên dữ liệu và các công nghệ số.</p>			
<p>9. Tự đánh giá chất lượng đạt tiêu chuẩn theo quy định: Cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Chương trình đào tạo; trường cao đẳng chất lượng cao năm 2024.</p>			
<p>10. Đánh giá ngoài đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng 02 chương trình đào tạo do Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH ban hành.</p>			
	NGƯỜI SOẠN THẢO	NGƯỜI KIỂM TRA	NGƯỜI PHÊ DUYỆT
Chữ ký			
Họ và tên	Hồ Thị Châu	Phan Mai Phương Duyên	Nguyễn Văn Lực
Chức danh	TP.ĐCCL-KT	PHÓ HIỆU TRƯỞNG	HIỆU TRƯỞNG

d) Danh mục các lĩnh vực quản lý chất lượng thực hiện được xây dựng và vận hành

BĐCL hoạt động dạy và học;

BĐCL chương trình, giáo trình đào tạo;

BĐCL CBQL, nhà giáo, người lao động;

BĐCL cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo; thư viện;

BĐCL công tác HSSV, dịch vụ người học.

e) Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng

Hệ thống thông tin BĐCL gồm cơ sở dữ liệu bảo đảm chất lượng và hạ tầng thông tin, thực hiện theo nguyên tắc sau:

Cơ sở dữ liệu mở, có khả năng mở rộng, cập nhật khi cần thiết;

Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin phục vụ quản lý của cơ sở GDNN và vận hành hệ thống BĐCL;

Ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm kết nối với hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo GDNN các cấp;

Phân quyền truy cập hệ thống theo cấp độ quản lý phục vụ việc ra quyết định quản lý, điều hành các hoạt động BĐCL;

Hệ thống thông tin BĐCL được định kỳ rà soát, nâng cấp, xây dựng và ban hành quy chế quản lý, vận hành hệ thống thông tin BĐCL;

Phòng BĐCL-KT là đơn vị chủ trì phối hợp với phòng Đào tạo xây dựng và ban hành quy chế quản lý, vận hành hệ thống thông tin BĐCL.

Giới thiệu tóm lược về nhân sự và thực trạng hạ tầng thông tin của cơ sở GDNN.

TT	Họ tên, Điện thoại, email	Nhiệm vụ
1	Bùi Quang Khải ĐT: 0919540747 bqkhai.it@gmail.com	Quản trị hệ thống mạng đường trục: các máy chủ, router, switch tổng, modem, cáp quang; quản trị cơ sở dữ liệu; Xây dựng các giải pháp, chính sách quản trị mạng (qui hoạch IP, Firewall, quản lý băng thông...); Tiếp nhận, triển khai, quản trị, khai thác các phần mềm, các dự án ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong Trường;

		Xây dựng và giám sát thực hiện Quy chế sử dụng mạng máy tính; qui chế sử dụng phần mềm, ứng dụng CNTT trong giảng dạy và quản lý nhà trường; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng phòng Đào tạo phân công.
2	Nguyễn Tấn Thịnh 0364594423 thinhit555@gmail.com	Hỗ trợ kỹ thuật: Cổng thông tin tuyển sinh; Hỗ trợ kỹ thuật và đảm bảo chất lượng mạng (có dây và không dây) cho người dùng; Quản lý thiết bị mạng tại các đơn vị, các điểm trung tuyến; Giám sát tình trạng mạng và xử lý sự cố về mạng; Hỗ trợ xác định lỗi phần cứng, tư vấn cho người dùng đề xuất Phòng Quản trị Thiết bị & Dự án sửa chữa, thay thế; Hỗ trợ, triển khai các phần mềm, các dự án ứng dụng CNTT trong Trường; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng phòng Đào tạo phân công.

Thực trạng hạ tầng thông tin của nhà trường:

Thiết bị mạng của nhà trường bao gồm:

Hệ thống máy chủ: 04 máy chủ;

Đường cáp quang: 07 đường cáp quang;

Edge Router: 02 cái;

Draytek Vigor 3900: 02 cái;

Draytek Vigor P2261: 01 cái;

Mạng Wifi: Được kết nối đến toàn trường.

Hệ thống tài liệu BDCL được công bố trên trang Web của nhà trường:

<http://www.cdktcnn.edu.vn>

Các quy trình/công cụ/biểu mẫu đăng trên cổng thông tin giáo viên. CBQL, nhà giáo, nhân viên và người lao động đều có thể truy cập và sử dụng.

2.2. Đánh giá, cải tiến

a) Đánh giá:

a1) Tổng số đợt đánh giá:

Nhà trường thực hiện 01 đợt đánh giá trong năm 2023.

a2) Tổng số đơn vị thuộc Trường thực hiện tự đánh giá:

Tất cả 14 đơn vị trực thuộc Trường thực hiện tự đánh giá hệ thống BĐCL.

b) Kết quả đánh giá cải tiến***b1) Đánh giá sự phù hợp về chính sách chất lượng của Trường giai đoạn 2020 – 2025******Sự phù hợp chính sách chất lượng của nhà trường:***

Chính sách chất lượng của nhà trường đề ra phù hợp với những hoạt động và tình hình thực tiễn của Trường hiện nay;

Chính sách chất lượng đã cụ thể hóa chủ trương và định hướng chung của Trường trong việc thực hiện bảo đảm chất lượng đào tạo;

Chính sách chất lượng được lấy ý kiến của tập thể đội ngũ cán bộ viên chức và người lao động trong toàn Trường do vậy phù hợp với nhiệm vụ, chức năng hoạt động của các đơn vị;

Chính sách chất lượng phù hợp với thực tế phát triển của Trường và sự thay đổi của các định hướng chiến lược hay các quy định khác có liên quan.

Bổ sung nội dung Chính sách chất lượng:

Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản trị nhà trường hướng đến phát triển toàn diện, đáp ứng nhu cầu thực tiễn xã hội.

b2) Đánh giá kết quả thực hiện, sự phù hợp và đề xuất cải tiến về mục tiêu chất lượng cấp Trường.***Sự phù hợp mục tiêu chất lượng nhà trường:***

Mục tiêu chất lượng cấp Trường phù hợp với nhiệm vụ chính trị của năm học;

Phù hợp với chính sách chất lượng đã đề ra;

Được trình bày rõ ràng, dễ hiểu, thuận tiện cho công tác đánh giá.

Kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng:

Nội dung mục tiêu 1: 100% nhà giáo khi lên lớp có giáo trình, giáo án đúng quy định; 100% các bộ môn có bài giảng điện tử; 100% nhà giáo tham gia dự giờ hội giảng các cấp.

Kết quả thực hiện:

100% nhà giáo khi lên lớp có giáo trình, giáo án đúng quy định của Trường.

100% các bộ môn có bài giảng điện tử phục vụ công tác giảng dạy.

100% nhà giáo tham gia dự giờ hội giảng các cấp.

Nội dung mục tiêu 2: 95% trở lên đội ngũ nhà giáo cơ hữu, nhà giáo thỉnh giảng tham gia giảng dạy các môn văn hóa trung học phổ thông, các môn đôn/môn học chung, các môn đôn/môn học chuyên môn của ngành, nghề đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định, trong đó:

70% trở lên nhà giáo đạt chuẩn quy định Trường Cao đẳng chất lượng cao;

30% trở lên nhà giáo giảng dạy ngành, nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, khu vực ASEAN có trình độ ngoại ngữ từ bậc 4/6 trở lên theo quy định.

Kết quả thực hiện:

99% (106/107) đội ngũ nhà giáo cơ hữu, nhà giáo thỉnh giảng tham gia giảng dạy các môn văn hóa trung học phổ thông, các môn đôn/môn học chung, các môn đôn/môn học chuyên môn của ngành, nghề đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. Trong đó:

100% nhà giáo của trường đã đạt trình độ tin học ứng dụng CNTT cơ bản trở lên trong đó có 58 nhà giáo đã đạt trình độ ứng dụng CNTT nâng cao. 100% nhà giáo có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy, 100% nhà giáo có bằng cử nhân trở lên. 83/95 nhà giáo đã có chứng chỉ Kỹ năng nghề để giảng dạy chiếm tỉ lệ 87%. Trong 12 nhà giáo chưa có chứng chỉ Kỹ năng nghề thì 11 nhà giáo thuộc 2 nghề Kế toán và chế biến thực phẩm do các nghề này chưa có đơn vị tổ chức kỳ đánh giá.

38/95 nhà giáo có trình độ ngoại ngữ bậc 2 chiếm 40%; 44/95 nhà giáo có trình độ ngoại ngữ bậc 3 chiếm 46.3% và 13/95 nhà giáo có trình độ ngoại ngữ bậc 4 trở lên chiếm 13,7%. Tổng số nhà giáo có trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên là 60%.

Nội dung mục tiêu 3: Đạt 100% chương trình đào tạo được tổ chức biên soạn, thẩm định, lựa chọn ban hành theo quy định có tính liên thông trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp, trong đó có ít nhất 01 chương trình đào tạo liên thông lên trình độ đại học được Trường Đại học công nhận.

Kết quả thực hiện:

Chương trình đào tạo tại trường được tổ chức biên soạn, thẩm định, ban hành theo quy định có tính liên thông giữa các cấp trình độ, thuận lợi cho người học liên thông tại Trường (từ trung cấp lên cao đẳng).

Xây dựng và ban hành chương trình chất lượng cao trình độ cao đẳng các nghề: Điện công nghiệp, Công nghệ thông tin, Công nghệ ô tô.

Trường đã tiến hành phối hợp với trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh đào tạo liên thông từ cao đẳng đối với nghề Điện – Điện tử, hiện nay Trường tiếp

tục phối hợp với Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long để công nhận và liên kết đào tạo đối với các nghề đào tạo cao đẳng.

Nội dung mục tiêu 4: Đạt 95% trở lên HSSV cuối khóa đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp, trong đó:

Sinh viên đạt tốt nghiệp từ 95% trở lên, học sinh đạt tốt nghiệp từ 90% trở lên. HSSV đạt tốt nghiệp từ loại khá trở lên đạt trên 60%.

Kết quả thực hiện:

Tỷ lệ HSSV cuối khóa đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp:

91% sinh viên cuối khóa đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp.

87,6% học sinh cuối khóa đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp

Tỷ lệ HSSV đạt tốt nghiệp:

92% Sinh viên đạt tốt nghiệp.

86,4% học sinh đạt tốt nghiệp.

Tỷ lệ HSSV xếp loại tốt nghiệp:

83% Sinh viên tốt nghiệp đạt loại khá

60% học sinh tốt nghiệp đạt loại khá

Nội dung mục tiêu 5: Đạt 98% HSSV có điểm rèn luyện từ trung bình trở lên, trong đó 80% HSSV có điểm rèn luyện từ khá trở lên; 12 tập thể lớp tiên tiến trở lên.

Kết quả thực hiện:

97,8% HSSV có điểm rèn luyện từ trung bình , 84,1% đạt loại khá trở lên.

14 lớp tiên tiến.

Nội dung mục tiêu 6: Các hoạt động của Trường được số hoá, kết nối, chia sẻ và tương tác; thực hiện quản trị, điều hành Trường dựa trên dữ liệu và các công nghệ số.

Kết quả thực hiện:

Nhà trường đã và đang thực hiện tốt hoạt động chuyển đổi, hoàn toàn đáp ứng được số hoá, kết nối, chia sẻ và tương tác; thực hiện quản trị, điều hành Trường dựa trên dữ liệu và các công nghệ số.

Nội dung mục tiêu 7: Phối hợp với các tổ chức trong và ngoài nước, với doanh nghiệp trong hoạt động khoa học, công nghệ, khởi nghiệp đáp ứng các tiêu chuẩn trường cao đẳng chất lượng cao.

Kết quả thực hiện:

Nhà trường đã triển khai và phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp trong hoạt động khoa học, công nghệ, khởi nghiệp nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn Trường cao đẳng chất lượng cao.

Nội dung mục tiêu 8: Đánh giá ngoài đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng 02 chương trình đào tạo do Bộ LĐTĐ ban hành.

Kết quả thực hiện:

Nhà trường đang hoàn thiện thủ tục để triển khai thực hiện đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo.

Nội dung mục tiêu 9: Tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng: Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp; Chương trình đào tạo; Trường Cao đẳng chất lượng cao năm 2023.

Kết quả thực hiện:

Tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở GDNN năm 2023: Đạt 100/100 (Báo cáo số 2406 /BC-CĐKTCN ngày 20/12/2023)

Tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo năm 2023 (Báo cáo tổng hợp số 2341 /BC-CĐKTCN ngày 14/12/2023)

Chương trình đào tạo	Tự đánh giá theo từng chương trình	
	Điểm đạt tối đa	Điểm tự đánh giá
Công nghệ thông tin	100	100
Cắt gọt kim loại	100	98
Điện công nghiệp	100	98
Kỹ thuật máy lạnh & Điều hòa không khí	100	100
Công nghệ ô tô	100	98
Kỹ thuật chế biến món ăn	100	94
Quản trị khách sạn	100	98
Chế biến thực phẩm	100	96
Điện dân dụng	100	94
Quản trị nhà hàng (CĐ), Nghiệp vụ nhà hàng (TC)	100	94
Hướng dẫn du lịch	100	96
Kế toán doanh nghiệp	100	98
Kỹ thuật xây dựng	100	94

Tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng Trường Cao đẳng chất lượng cao năm 2023: Đạt 96 /100 (Báo cáo số 2415/BC-CĐKTCN ngày 22/12/2023)

b3) Đánh giá kết quả thực hiện, sự phù hợp và đề xuất cải tiến về mục tiêu chất lượng cấp đơn vị theo kế hoạch.

Sự phù hợp mục tiêu chất lượng cấp đơn vị

Mục tiêu chất lượng cấp Trường năm học 2022-2023 phù hợp với xu hướng phát triển giáo dục nói chung và giáo dục nghề nghiệp nói riêng; phù hợp với khả năng, nhu cầu phát triển của Trường; phù hợp với xu hướng và khả năng yêu cầu phát triển của cấp đơn vị.

Kết quả thực hiện:

Các mục tiêu chất lượng của cấp đơn vị đạt kết quả bằng và vượt mục tiêu đề ra, tuy nhiên còn một mục tiêu chưa đạt được:

Chuẩn Kỹ năng nghề theo Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH vẫn còn hai nghề chưa đạt chuẩn đó là Kế toán doanh nghiệp và Chế biến thực phẩm với lý do hiện nay cả nước chưa có tổ chức nào thực hiện đánh giá Kỹ năng nghề quốc gia đối với hai nghề này.

b4) Đánh giá kết quả vận hành, sự phù hợp và đề xuất cải tiến các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng liên quan đã được ban hành.

Kết quả vận hành, sự phù hợp của đơn vị về quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng liên quan đã được ban hành.

Qua triển khai thực hiện nhiệm vụ, nhìn chung các quy trình, công cụ BĐCL thuộc chức năng của đơn vị là phù hợp và rõ ràng cụ thể, thuận lợi cho quá trình giải quyết công việc, được sử dụng để tự đánh giá chất lượng của đơn vị. Trong quá trình thực hiện vẫn còn một số quy trình, công cụ đã ban hành cần rà soát điều chỉnh, bổ sung, xây dựng mới để phù hợp với các văn bản hướng dẫn và chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị góp phần nâng cao hiệu quả hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường.

Hiện nay nhà trường đã và đang vận hành 84 quy trình/công cụ nhằm đảm bảo chất lượng chất lượng cơ sở GDNN luôn được duy trì và thực hiện đạt hiệu quả.

Trong đó, năm 2023 nhà trường đã ban hành các quy trình/công cụ điều chỉnh bổ sung và xây dựng mới cụ thể như sau:

Xây dựng mới 09 quy trình/công cụ:

Quyết định số 2403/QĐ-CĐKTCN ngày 20/12/2023 về việc ban hành Quy trình phòng CT.HSSV xây dựng năm 2023 (QT76. Quy trình xét, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; QT77. Quy trình xét, cấp chính sách nội trú).

Quyết định số 2404/QĐ-CĐKTCN ngày 20/12/2023 về việc ban hành Quy trình phòng Đào tạo xây dựng năm 2023 (QT.78 Quy trình Rà soát điều chỉnh và bổ sung chương trình đào tạo; QT79. Quy trình Đăng ký khối lượng học tập theo phương thức đào tạo tích lũy mô đun, tín chỉ; QT80. Quy trình Điều chỉnh tiến độ, cảnh báo kết quả học tập; QT81. Quy trình Cấp giấy chứng nhận, xác nhận hoàn thành khóa học; QT82. Quy trình Tiếp nhận và chuyển trường cho HSSV).

Quyết định số 2401/QĐ-CĐKTCN ngày 20/12/2023 về việc ban hành Quy trình phòng BĐCL-KT xây dựng năm 2023 (QT83. Quy trình thi kết thúc MH/MĐ; QT84. Quy trình Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp).

Điều chỉnh bổ sung các quy trình/công cụ:

- QT01- Quy trình Xây dựng, lựa chọn, bổ sung điều chỉnh CTĐT;
- QT02 - Quy trình Biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo;
- QT03 – Quy trình Tổ chức tuyển sinh;
- QT07- Quy trình Thi, xét điều kiện tốt nghiệp điều chỉnh thành Quy trình Xét công nhận tốt nghiệp;
- QT09 – Quy trình đánh giá kết quả học tập;
- QT10 – Quy trình cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học;
- QT11 – Quy trình quản lý điểm;
- QT12 – Quy trình liên kết đào tạo;
- QT13 – Quy trình bảo lưu kết quả học tập;
- QT16 – Quy trình xây dựng kế hoạch, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu;
- QT18 - Quy trình Tổ chức thi tốt nghiệp;
- QT22 - Quy trình quản lý hồ sơ cán bộ viên chức, người lao động;
- QT24- Quy trình xử lý kỷ luật cán bộ viên chức, người lao động;
- QT25 - Quy trình xét nâng lương cho cán bộ viên chức, người lao động;
- QT 33 - Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện;
- QT35A - Quy trình xét, cấp học bổng khuyến khích học tập học sinh, sinh viên;
- QT35B - Quy trình xét, cấp học bổng cho HSSV là con đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng miền núi Khánh Hòa;
- QT36 - Quy trình Quản lý học sinh, sinh viên ở Ký túc xá;
- QT37 - Quy trình khen thưởng cho học sinh, sinh viên;
- QT38 - Quy trình cho thôi học và xử lý kỷ luật HSSV;

- QT39 - Quy trình quản lý hồ sơ học sinh, sinh viên;
 - QT40 - Quy trình khảo sát học sinh sau tốt nghiệp;
 - QT 44 - Quy trình kiểm tra, giám sát HSSV thực tập tại doanh nghiệp;
 - QT 45 - Quy trình đăng ký sáng kiến;
 - QT 46 - Quy trình nghiệm thu sáng kiến;
 - QT 50 - Quy trình mượn trả tài liệu thư viện;
 - QT 51 - Quy trình xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống BĐCL;
 - QT54 – Quy trình thu và quản lý học phí;
- Đề xuất cải tiến quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng đã được ban hành:*
- QT.60: Khảo sát chất lượng các hoạt động của trường.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

3.1. Ưu điểm:

Qua một năm thực hiện, hoạt động BĐCL của Trường đạt được kết quả nhất định góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao uy tín thương hiệu của Trường, bảo đảm chất lượng GDNN ngày càng phát triển hiệu quả:

Về chính sách, mục tiêu chất lượng:

Phù hợp với những hoạt động và tình hình thực tiễn của Trường hiện nay;

Đã cụ thể hóa chủ trương và định hướng chung của Trường trong việc thực hiện bảo đảm chất lượng đào tạo;

Phù hợp với nhiệm vụ chính trị của năm học.

Về vận hành các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng:

Các quy trình, công cụ BĐCL thuộc chức năng của đơn vị là phù hợp và rõ ràng cụ thể, thuận lợi cho quá trình giải quyết công việc;

Áp dụng các quy trình, công cụ để thực hiện công việc phù hợp trong điều kiện hiện nay và góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

Về hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng:

Hệ thống thông tin được đăng trên trang Web của Trường phù hợp, khoa học, rõ ràng, dễ sử dụng;

Nội dung được đăng tải cập nhật thường xuyên và kịp thời;

Lưu trữ thông tin các văn bản có tính hệ thống, khoa học;

Thuận tiện cho người truy cập.

Về hoạt động tự đánh giá:

Tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở GDNN năm 2023.

Tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo năm 2023.

Tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng Trường Cao đẳng chất lượng cao năm 2023.

3.2. Tồn tại, hạn chế :

Mặc dù, hệ thống BĐCL của Trường đạt kết quả tốt qua từng năm vận hành, tuy nhiên trong quá trình triển khai thực hiện vẫn còn một số tồn tại như:

Một số tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, Trường cao đẳng chất lượng cao chưa đạt yêu cầu;

Chuẩn kỹ năng nghề quốc gia của một số nghề chưa đạt yêu cầu.

3.3 Nguyên nhân:

Một số nghề chưa triển khai đào tạo do không tuyển được học sinh;

Tình trạng HSSV nghỉ học giữa chừng còn nhiều;

Chưa có đơn vị tổ chức kỳ thi kỹ năng nghề quốc gia đối với các nghề còn thiếu chuẩn kỹ năng nghề.

3.4. Đề xuất

Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tầm quan trọng và trách nhiệm hơn nữa đối với hoạt động bảo đảm chất lượng.

Các đơn vị tiếp tục rà soát, bổ sung, cải tiến hệ thống BĐCL để hoạt động BĐCL của Trường ngày càng đạt hiệu quả hơn, phù hợp với định hướng và chiến lược phát triển nhà trường, đồng thời góp phần nâng cao hệ thống BĐCL giáo dục nghề nghiệp.

Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền liên quan, tổ chức các kỳ thi kỹ năng nghề quốc gia đối với các nghề chưa triển khai tổ chức đánh giá.

Nơi nhận (VBĐT):

- TCGDNN;
- Sở LĐTBXH tỉnh Khánh Hòa;
- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: VT, BĐCL-KT(02 bản)

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Lực